

Bản án số: 21/2024/DS-PT  
Ngày 26/9/2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Mỹ Lệ.

*Các Thẩm phán:* - Ông Nguyễn Mạnh Cường;

- Bà Đỗ Thị Kim Quy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 14/2024/TLPT-DS ngày 15/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2024/QĐPT-DSTC ngày 15/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/QĐ-PT, ngày 30/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/QĐ-PT, ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Làn Văn V, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân số 002076002082 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 17/4/2023; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Mạ Văn C, sinh năm 1979; nơi thường trú: Thôn T1, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi ở hiện nay: Thôn M, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Căn cước công dân số 002079008637 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 17/12/2021, vắng mặt.

3. *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Triệu Văn Q; sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm Vườn, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Căn cước

công dân số 019073011988, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 11/8/2021 (*Giấy ủy quyền ngày 02/4/2024*); có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Triệu Văn Q - Đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Làn Văn V trình bày: Ngày 16/11/2012 (âm lịch), ông Mẹ Văn C đến nhà ông Làn Văn V vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*); ông C viết giấy vay tiền xong, ký tên, đưa cho ông V giữ. Ngày 27/12/2012, ông C trả ông V 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*); ông V lấy giấy vay tiền mà ông C viết ngày 16/11/2012 ra, ông C tự gạch chéo phần ghi vay số tiền 50.000.000đ, rồi ông C viết xuống bên dưới với nội dung là còn nợ 30.000.000đ, tính lãi một tháng là 300.000đ; sau đó ông V và ông C cùng ký, ông V giữ giấy này. Ngày 06/3/2013, ông C vay tiếp ông V 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*); ông C viết giấy vay tiền xong, ký tên, đưa cho ông V giữ. Ngày 06/8/2013, ông C trả cho ông V 20.000.000đ; ông V lấy giấy vay tiền mà ông C viết ngày 06/3/2013 ra, ông C tự gạch chéo phần ghi vay số tiền 40.000.000đ, rồi ông C viết xuống bên dưới với nội dung là đã trả 20.000.000đ, còn 20.000.000đ, tính lãi một tháng là 300.000đ; ông C viết, ký tên và ông V giữ giấy này. Đến ngày 24/01/2020, ông C trả cho ông V 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*), ông C tự viết giấy xong, ông V và ông C cùng ký, ghi rõ họ tên và đưa cho ông V giữ giấy.

Như vậy, tổng số tiền vay theo hai giấy vay ngày 16/11/2012 và ngày 06/3/2013 ông C vay của ông V số tiền 90.000.000đ, ngày 27/12/2012 trả 20.000.000đ, ngày 06/8/2013 trả 20.000.000đ, ngày 24/01/2020 trả 20.000.000đ. Hiện ông C còn nợ ông V số tiền gốc là 30.000.000đ. Từ năm 2020 đến nay ông V nhiều lần hỏi, gọi điện thoại yêu cầu ông C trả tiền nhưng ông C không trả, ông V trực tiếp đến nhà thì ông C trốn tránh, lấy nhiều lý do không trả tiền cho ông V.

Nay ông V khởi kiện yêu cầu ông C trả cho ông số tiền gốc còn nợ là 30.000.000đ, còn về phần lãi mà ông C tự ghi trong các giấy vay tiền, từ khi ông C vay tiền cho đến nay, ông C không trả tiền lãi cho ông V, nhưng ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tiền lãi.

- Về phía bị đơn là ông Mẹ Văn C: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang đã thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn được biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên ông C không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi cho mình; không có mặt theo các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên tòa ngày 25/4/2024, bị đơn Mẹ Văn C vắng nhưng có giấy ủy quyền cho ông Triệu Văn Q làm người đại diện. Tại phiên tòa, nguyên đơn Làn Văn V và ông

Triệu Văn Q (*người đại diện hợp pháp của bị đơn*) đã thống nhất đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để hai bên tự thoả thuận giải quyết tình cảm. Tòa án nhân dân huyện Q đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa và ấn định mở lại phiên tòa vào ngày 23/5/2024, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn ông C và đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Quân đều vắng mặt không có lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Làn Văn V, buộc ông Mẹ Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Làn Văn V số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

*Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 và 14 tháng 6 năm 2024, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Triệu Văn Q có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang. Cụ thể, ông Triệu Văn Q yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề gồm: Ông C không được vay tiền ông V, việc ông V đưa ra giấy vay tiền là không thực tế, không phải chữ ký của ông C nên ông đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông C trong các giấy vay tiền, giám định tuổi mực... để giải quyết vụ án đảm bảo tính khách quan. Ông cho rằng quyết định của bản án sơ thẩm là chưa toàn diện, chưa mang tính thuyết phục, vi phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của ông C. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại bản án theo thủ tục chung tuyên hủy toàn bộ bản án, chuyển hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Triệu Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 Đơn đề nghị có chữ ký của ông Triệu Văn Q và 01 Đơn kiến nghị có chữ ký của ông Mẹ Văn C, với nội dung ông C cho rằng không có việc vay nợ giữa ông V và ông C mà là trước đây ông V có đưa tiền cho ông C để giúp ông V thực hiện một giao dịch khác, nay ông C đề nghị Tòa án xác minh nội dung vụ việc và đưa những người biết sự việc và có liên quan vào tham gia tố tụng để làm rõ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về

nội dung: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Triệu Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Triệu Văn Q thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự và trong phạm vi bị đơn uỷ quyền nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Triệu Văn Q, HĐXX thấy:

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn là ông Mẹ Văn C không có mặt theo các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại các phiên tòa; không có văn bản nào trình bày ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn không có mặt do đó Tòa án không tiến hành hoà giải được giữa các đương sự. Tại phiên tòa ngày 25/4/2024, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có giấy ủy quyền cho ông Triệu Văn Q làm người đại diện. Tại phiên tòa, nguyên đơn Làn Văn V và ông Triệu Văn Q (*người đại diện theo ủy quyền của bị đơn*) đã thống nhất đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để hai bên tự thoả thuận giải quyết tình cảm (BL 72), do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định tạm ngừng phiên tòa và ấn định ngày, giờ mở lại phiên tòa, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tuy nhiên, khi đến thời gian tiếp tục phiên tòa được ấn định trong Quyết định tạm ngừng phiên tòa thì cả bị đơn ông C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Quân đều vắng mặt không có lý do. Do đó việc ông Quân cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, giải quyết vụ án chưa khách quan, toàn diện là không có căn cứ.

[4] Do bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ để bảo vệ quyền lợi của mình, nên Tòa án đã căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn đã đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để các bên tự thoả thuận giải quyết tình cảm. Do đó có đủ căn cứ khẳng định giữa ông V và ông C đã phát sinh các hợp đồng vay tài sản (*tiền*) quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, trong đó ông V là bên cho vay, còn ông C là bên vay, gồm: Ngày 16/11/2012 (*âm lịch*), ông C vay 50.000.000đ; ngày 06/3/2013, ông C vay 40.000.000đ; giấy tờ về hai lần vay này đều không ghi thời hạn vay.

[5] Về việc thực hiện hợp đồng: Ngày 27/12/2012, ông C trả ông V 20.000.000đ trong số tiền 50.000.000đ vay ngày 16/11/2012 (*âm lịch*); số tiền 30.000.000đ còn nợ, tính lãi là 300.000đ/tháng. Ngày 06/8/2013, ông C trả ông V 20.000.000đ trong số tiền 40.000.000đ vay ngày 06/3/2013; số tiền 20.000.000đ còn nợ, tính lãi là 300.000đ/tháng. Ngày 24/01/2020, ông C trả ông V 20.000.000đ, nhưng trong giấy tờ không thể hiện rõ là trừ vào số tiền nợ của lần vay nào. Ông C chưa trả lãi lần nào và còn nợ 30.000.000đ tiền gốc. Từ năm 2020 đến nay ông V nhiều lần đòi tiền ông C nhưng ông C không trả tiền cho ông V. Mặc dù trong giấy vay có ghi lãi suất 1,5 (*300.000đ/tháng*) nhưng ông V khai ông C chưa trả lãi và ông không yêu cầu ông C phải trả lãi.

[6] Xét thấy, ông V khởi kiện yêu cầu ông C trả 30.000.000đ tiền gốc là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; về phần lãi suất ông V không yêu cầu ông C phải trả là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn do đó cần chấp nhận.

[7] Tại giai đoạn phúc thẩm bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Đối với đơn đề nghị và Đơn kiến nghị của bị đơn về việc đề nghị xem xét, xác minh về việc ông V đưa tiền cho ông C để giúp ông V thực hiện một giao dịch khác, kiến nghị này không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm do đó HĐXX không xem xét.

[8] Đối với yêu cầu giám định chữ ký: Xét thấy tại giai đoạn giải quyết theo thủ tục sơ thẩm phía bị đơn không hợp tác, không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho phản đối của mình, cũng không có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định; qua đối chiếu, so sánh các chữ ký của ông Mẹ Văn C trong các giấy vay tiền (*BL 02, 03, 04*); chữ ký trong Biên bản tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án (*BL 70; BL 79*) và chữ ký trong Giấy uỷ quyền (*BL 106*) thấy rằng không có sự khác biệt. Mặt khác căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 102 của Bộ luật tố tụng dân sự thì: "*Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định hoặc tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định nhưng Tòa án từ chối yêu cầu của đương sự. Quyền tự yêu cầu giám định được thực hiện trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm,....*". Do đó không có căn cứ để chấp nhận Đơn đề nghị giám định ngày 26/8/2024 và tại phiên tòa của đại diện theo uỷ quyền của bị đơn.

[9] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Triệu Văn Q (*là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn*) không có căn cứ để chấp nhận, do đó cần giữ nguyên Bản án số 06/2024/DS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Quân phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Triệu Văn Q (*là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn*), giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 23/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

2. Buộc ông Mẹ Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Làn Văn V số tiền là 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan THA có quyền chủ động ra quyết định THA) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được THA (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3. Về án phí: Ông Mẹ Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ông Làn Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004175 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Ông Triệu Văn Q phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0002334 ngày 04/7/2024 (*ông Mẹ Văn C nộp thay*).

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện Q, tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Q, tỉnh HG;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Mỹ Lệ**

